| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2024/HC-PT
Ngày 17 – 01 – 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 710/2023/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1333/2023/HCST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Tô Thanh B. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số C Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: C T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

- Ông Nguyễn Văn T1 – Phó trưởng Phòng nghiệp vụ thực hiện dự án số 02. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bà Dương Thị Kim H - Phó trưởng Phòng Tài nguyên Môi trường huyện B. *(Vắng mặt)*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Tô Văn D. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: E, Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Tô Tấn T2. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: D, Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Tô Văn K. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: C, Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Tô Thị Thanh V. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: C, Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Tô Nhật D1. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 7 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Tô Thị Kim K1. *(Vắng mặt)*

7. Ông Tô Phạm P. *(Vắng mặt)*

8. Bà Tô Thị Lan H1. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: C Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Tô Thanh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Đơn khởi kiện, Biên bản đối thoại, người khởi kiện ông* Tô Thanh B *trình bày:*

Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Tô Văn B1 được quyền sử dụng 10.032m² đất theo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 839/QSDĐ ngày 14 tháng 9 năm 2001. Thời điểm cấp giấy chúng nhận, ông Tô Thanh B là một thành viên trong hộ Tô Văn B1.

Năm 2012, hộ ông Tô Văn B1 có đất bị ảnh hưởng Dự án xây dựng đường cao tốc B - L, trên địa bàn huyện B.

Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành các quyết định thu hồi đấtcủa hộ ông Tô Văn B1 như sau:

Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Về thu hồi đất do hộ ông Tô Văn B1 sử dụng tại xã B để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh: Tổng diện tích đất thu hồi 7.022,9m thuộc một phần thửa 29, 115, 116, tờ bản đồ số 04, theo tài liệu 02/CT-UB, (tương ứng một phần các thửa 14, 15 và trọn thửa số 13, tờ bản đồ số 49, theo tài liệu bản đồ địa chính) thuộc Bộ địa chính xã B, huyện B. (Đính kèm Bản đồ hiện trạng vị trí Số 01/HĐĐĐ/BBT-BC200-2 do Công ty TNHH T3 lập ngày 15/3/2013).

Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Về thu hồi đất do bà Tô Thị Thanh V sử dụng tại xã B để thực hiện Dự án xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng diện tích đất thu hồi 500m thuộc một phần các thửa 29, 115, 116, tờ bản đồ số 4, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 14, tờ bàn đò số 49, theo tài liệu bản đồ địa chính, Bộ địa chính xã B. (Đính kèm Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-BC237 do Công ty TNHH T3 lập ngày 15/3/2013).

Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Về thu hồi đất do ông Tô Văn K sử dụng tại xã B để thực hiện Dự án xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh: Tổng diện tích đất thu hồi 682,8m² thuộc một phần thửa 115, 116, tờ bản đồ số 4, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 14, tờ bản đồ số 49, theo tài liệu bản đồ địa chính, Bộ địa chính xã B. (Đính kèm Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-BC145 do Công ty TNHH T3 lập ngày 15 tháng 3 năm 2013).

Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ đất của hộ ông Tô Văn B1 như sau:

Quyết định số 9239/QĐ-UBND ngày 15/7/2014; Về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 5.810.579.525 đồng. Theo Phiếu chiết tính bỗi thường, hỗ trợ số 777/CT-BBT ngày 18/6/2014.

Quyết định số 9240/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Tô Thị Thanh V. Theo Phiếu chiết tính số 797/PCT-BBT ngày 19/6/2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng), với tổng số tiền là 1.503.239.000 đồng.

Quyết định số 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015, Về hỗ trợ bổ sung đối với bà Tô Thị Thanh V, với tổng số tiền là: 163.337.100 đồng. Theo Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 2232/PCT-BBT ngày 08/12/2015.

Quyết định số 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014, Về bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp ông Tô Văn K, với tổng số tiền là 823.106.400 đồng.

Quyết định số 4359/QĐ-UBND ngày 29/5/2015, Về bồi thường, hỗ trợ bô sung đối với trường hợp ông Tô Văn K, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 139.344.480 đồng. Theo Phiếu chiết tính số 1729/PCT-BBT ngày 12/02/2015.

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các quyết định trên, anh em ông Tổ Thanh B2 (là những người trong hộ ông Tô Văn B1) có khiếu nại không đồng ý các quyết định trên.

Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6101/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ "bà Tô Thị Thanh V" thành "hộ ông Tổ Văn B3".

Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6100/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ "ông Tô Văn K" thành "hộ ông Tô Văn B1".

Ngày 05/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6261/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể tại Quyết định số 9240/QĐ- UBND ngày 15/7/2014 và Quyết định số 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ "bà Tô Thị Thanh V" thành "hộ ông Tô Văn B1

Ngày 05/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6262/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể tại Quyết định số 7576/QĐ- UBND ngày 10/6/2014 và Quyết định số 4359/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ "bà Tô Thị Thanh V" thành "hộ ông Tô Văn B1".

Ngày 15/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9849/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 923.675.880 đồng. Theo Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ số 3340/PCT-BBT ngày 14/11/2019.

Ngày 14/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9850/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1. Theo Phiếu chiết tính số 3339/PCT-BBT ngày 14/11/2019, với tổng số tiền là 579.816.000 đồng. Theo Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ số 3339/PCT-BBT ngày 14/11/2019.

Ngày 27/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 10145/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa ông Tô Thanh B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy: Quyết định 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014, Quyết định 9239/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Quyết định 9240/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Quyết định 4359/QĐ-UBND ngày 29/5/2015, Quyết định 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015, Quyết định 6100/QĐ-UBND ngày 29/6/2018, Quyết định 6101/QĐ-UBND ngày 29/6/2BÉT Quyết định 6261/QĐ-UBND ngày 05/7/2018, Quyết định 6262/QĐ-UBND_58 ngày 05/7/2018, Quyết định 9849/QĐ-UBND ngày 15/11/2019, Quyết định 9850/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 và Quyết định 10145/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Lý do ông yêu cầu hủy các quyết định trên là Ủy ban nhân dân B ban hành các quyết định trên không đúng theo quy định pháp luật. Đất bị thu hồi đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Tô Văn B1 được quyền sử dụng 10.032m đất theo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 839/QSDĐ ngày 14 tháng 9 năm 2001. Các thành viên trong hộ không có ủy quyền đại diện kê khai như trên. Do vậy, việc thu hồi và bồi thường này ảnh hưởng quyền lợi của ông Tô Thanh B.

*Văn bản số 2126/UBND ngày 05/6/2020 và Văn bản số 1187/UBND ngày 07/4/2023 người bị kiện* Ủy ban nhân dân huyện B *ý kiến như sau:*

Phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 839/QSDĐ ngày 14 tháng 9 năm 2001 cho hộ ông Tô Văn B1 (ông Tô Văn B1 đã chết, các thừa kế và

các đồng thừa kế chưa kê khai di sản thừa kế theo quy định) đang tranh chấp sử dụng ảnh hưởng Dự án thuộc một phần các thửa 29, 115, 116, tờ bản đồ số 04 (tài liệu 02/CT-UB), loại đất: 2L, M, diện tích: 8.205,1m², Bộ Địa chính xã B.

Về thu hồi:

1. Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Tô Văn B1 (ông Tô Nhật D1 đại diện kê khai) ngày 19/10/2012 (đã được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận).

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-BC200-2 do Công ty TNHH T3 lập ngày 15/3/2013, được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận ngày 21/11/2013 thì hộ ông Tô Văn B1 có phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án với diện tích là 7.022,9m² thuộc một phần thửa 29, 115, 116, tờ bản đồ số 04, theo tài liệu 02/CT-UB, (tương ứng một phần các thửa 14, 15 và trọn thửa số 13, tờ bản đồ số 49, theo tài liệu bản đồ địa chinh) Bộ địa chính xã B, huyện B.

Ngày 21/01/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1474/QĐ-UBND về thu hồi đất do hộ ông Tô Văn B1; Để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất của bà Tô Thị Thanh V ngày 24/10/2012 (đã được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận).

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-BC237 do Công ty TNHH T3 lập ngày 15/3/2013, được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận ngày 21/11/2013 thì bà Tô Thị Thanh V có phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án với diện tích là 500m thuộc một phần các thửa 29, 115, 116, tờ bản đồ số 4, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 14, tờ bàn đồ số 49, theo tài liệu bản đồ địa chính, Bộ địa chính xã B.

Ngày 21/01/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1373/QĐ-UBND về thu hồi đất do bà Tô Thị Thanh V; Để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Tô Văn K ngày 04/10/2012 (đã được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận).

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-BC145 do Công ty TNHH T3 lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận ngày 21/11/2013 thì phần đất ông Tô Văn K bị ảnh hưởng trong Dự án với diện tích là 682,8m thuộc một phần thửa 115, 116, tờ bản đồ số 4, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 14, tờ bàn đồ số 49, theo tài liệu bản đồ địa chính, Bộ địa chính xã B.

Ngày 21/01/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1374/QĐ-UBND về thu hồi đất do ông Tô Văn K; Để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6101/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, trong đó điều

chỉnh từ "bà Tô Thị Thanh V1" thành "hộ ông Tô Văn B1 (ông Tô Văn B1 đã chết các thừa kế và các đồng thừa kế chưa khai nhận di sản thừa kế theo quy định, đang tranh chấp)". Lý do: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 839/QSDĐ ngày 14 tháng 9 năm 2001 cấp cho hộ ông Tô Văn B1 và đang tranh chấp.

Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6100/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, trong đó điều chỉnh từ "ông Tô Văn K" thành "hộ ông Tô Văn B1 (ông Tô Văn B1 đã chết các thừa kế và các đồng thừa kế chưa khai nhận di sản thừa kế theo quy định, đang tranh chấp)". Lý do: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 839/QSDĐ ngày 14/9/2001 cấp cho hộ ông Tô Văn B1 và đang tranh chấp.

- Về bồi thường, hỗ trợ:

1. Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 21/01/2014.

Ngày 15/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9239/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 5.810.579.525 đồng. Theo Phiếu chiếu thôLỤC thường, hỗ trợ số 777/PCT-BBT ngày 18 tháng 6 năm 2014.

2. Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014,

Ngày 15/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9240/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với bà Tô Thị Thanh V1. Theo Phiếu chiết tính số 797/PCT-BBT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng), với tổng số tiền là 1.503.239.000 đồng.

Ngày 26/5/2015, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã chi tạm ứng cho bà Tô Thị Thanh V số tiền 30.000.000 đồng? (Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: 26.000.000 đồng và hỗ trợ di chuyển 4.000.000 đồng). Do theo xác nhận ngày 21/11/2013 của Ủy ban nhân dân xã B là cặn nhà số C, ấp C, xã B bị ảnh hưởng dự án là bà Tô Thị Thanh V tự xây dựng.

Ngày 30/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 12394/QĐ-UBND về hỗ trợ bô sung đối với bà Tô Thị Thanh V, với tổng số tiền là: 163.337.100 đồng. Theo Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 2232/PCT-BBT ngày 08/12/2015.

Do trường hợp bà Tô Thị Thanh V đang tranh chấp, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã gửi tiền số tiền 1.666.576.100 đồng vào Ngân hàng.

3. Căn cứ Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014.

Ngày 10/6/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7576/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp ông Tô Văn K, với tổng số tiền là 823.106.400 đồng.

Ngày 29/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4359/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với trường hợp ông Tô Văn K, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 139.344.480 đồng (trong đó: Số tiền thực

nhận là 89.664.480 đồng; Số tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính: 49.680.000 đồng). Theo Phiếu chiết tính số 1729/PCT-BBT ngày 12/02/2015.

- Về điều chỉnh chủ thể quyết định thu hồi:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 839 QSDĐ/Bình Chánh cấp ngày 14 tháng 09 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Tô Văn B1.

Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6101/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ bà Tô Thị Thanh V" thành "hộ ông Tổ Văn B3".

Ngày 29/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6100/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ "ông Tô Văn K" thành "hộ ông Tô Văn B1".

- Về điều chỉnh chủ thể quyết định bồi thường:

Ngày 05/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6261/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể tại Quyết định số 9240/QĐ- UBND ngày 15/7/2014 và Quyết định số 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ "bà Tô Thị Thanh V" thành "hộ ông Tô Văn B1".

Ngày 05/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 6262/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể tại Quyết định số 7576/QĐ- UBND ngày 10/6/2014 và Quyết định số 4359/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B. Từ "bà Tô Thị Thanh V" thành "hộ ông Tô Văn B1".

- Về thay thế quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1.

Ngày 15/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9849/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 923.675.880 đồng. Theo Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ số 3340/PCT-BBT ngày 14/11/2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014, Quyết định số 4359/QĐ- UBND ngày 29/5/2015 và Quyết định số 6262/QĐ-UBND ngày 05/7/2018.

Ngày 14/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9850/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1. Theo Phiếu chiết tính số 3339/PCT-BBT ngày 14/11/2019, với tổng số tiền là 579.816.000 đồng. Theo Phiếu chiết tính bồi thường, hỗ trợ số 3339/PCT-BBT ngày 14/11/2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 9240/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 và Quyết định số 6261/QĐ-UBND ngày 05/7/2018.

Ngày 27/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 10145/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện B kiến nghị Tòa án nhân dẫn Thành phố xét xử theo hướng không công nhận đơn khởi kiện của ông Tô Thanh B và giữ nguyên các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện B.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Tô Nhật D1 *trình bày:* Đề nghị Tòa xử đúng quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Tô Thị Thanh V *trình bày:* Đề nghị Tòa xử đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đúng quyền lợi của bà.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1333/2023/HCST ngày 02 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

- Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 38, Điều 42, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ Khoản 29 Điều 3, Khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 89 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 53, Khoản 2 Điều 55 Nghị định s 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ;

- Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện ông Tô Thanh B về việc yêu cầu hủy: Quyết định 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014, Quyết định 9239/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Quyết định 9240/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Quyết định 4359/QĐ-UBND ngày 29/5/2015, Quyết định 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015, Quyết định 6100/QĐ-UBND ngày 29/6/2018, Quyết định 6101/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 Quyết định 6261/QĐ-UBND ngày 05/7/2018, Quyết định 6262/QĐ-UBND ngày 05/7/2018, Quyết định 9849/QĐ-UBND ngày 15/11/2019, Quyết định 9850/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 và Quyết định 10145/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 14/8/2023, người khởi kiện ông Tô Thanh B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện đúng quy định về thu hồi và bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Tô Văn B1.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Ông Tô Thanh B trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới. Lý do kháng cáo là đất cấp cho hộ nhưng UBND huyện B cho 03 cá nhân là ông D1, bà V, ông K kê khai để nhận bồi thường trong khi những thành viên còn lại của hộ không ủy quyền cho họ là không đúng. UBND huyện còn cho rằng gia đình có tranh chấp thừa kế nên thay đổi người nhận bồi thường và không giải quyết các khiếu nại của ông mà chuyển tiền bồi thường vào ngân hàng là hoàn toàn sai do quá trình kiểm kê tài sản không được thực hiện đúng quy định; đất bị thu hồi năm 2013 nhưng đến năm 2018 mới tiến hành bồi thường là thiệt thòi cho người có đất bị thu hồi.

Ông Tô Nhật D1 trình bày: quá trình thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện B đã thực hiện đúng quy định. Số tiền được bồi thường là tài sản chung của hộ có liên quan đến việc thừa kế của cụ Tô Văn B1 và án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ kiện: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đối với việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông Tô Thanh B yêu cầu hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B gồm: Quyết định 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Quyết định 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014; Quyết định 9239/QĐ-UBND ngày 15/7/2014; Quyết định 9240/QĐ-UBND ngày 15/7/2014; Quyết định 4359/QĐ-UBND ngày 29/5/2015; Quyết định 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015; Quyết định 6100/QĐ-UBND ngày 29/6/2018; Quyết định 6101/QĐ-UBND ngày 29/6/2018; Quyết định 6261/QĐ-UBND ngày 05/7/2018; Quyết định 6262/QĐ-UBND ngày 05/7/2018; Quyết định 9849/QĐ-UBND ngày 15/11/2019; Quyết định 9850/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B nên đối tượng khởi kiện cần xem xét là các quyết định này.

Ngoài ra, Bản án Hành chính phúc thẩm số 997/2022/HC-PT ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử và bác yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Thanh V về việc hủy Quyết định số 10145/QĐ ngày 27/11/2019 của UBND huyện B về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp cưỡng chế thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tái định cư. Tuy đây là việc khởi kiện đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nhưng nay ông B tiếp tục khởi kiện vì cho rằng UBND huyện B đã ban hành quyết định đối với bà V là không đúng trên tinh thần là thành viên hộ nên quá trình giải quyết vụ án cũng cần đề cập đến quyết định này.

Xét quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ, tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải, đối thoại giữa người khởi kiện với người bị kiện. Căn cứ vào tài liệu được thu thập trong hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất được thu hồi là một phần thửa đất số 04, 115, 116, 29, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: đất do UBND huyện B cấp cho hộ ông Tô Văn B1 theo GCN QSD đất số 839/QSDĐ ngày 14/9/2001. Năm 2012 ông B1 mất. Các con của ông B1 gồm các ông, bà Tô Văn D, Tô Tấn T2, Tô Văn K, Tô Nhật D1, Tô Thanh B, Tô Thị Thu V2, Tô Thị Kim K1, Tô P và Tô Thị Lan H1. Trên diện tích đất bị thu hồi có 01 căn nhà do bà V2 xây dựng từ năm 2000 (có xác nhận chữ ký của ông Tô Văn B1 khi còn sống) và 01 căn nhà tình thương được tổ chức thiện nguyện cùng UBND xã B trao tặng cho ông Tô Văn K. Bà V2, ông K được lập hồ sơ đền bù, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi và tài sản trên đất, sau đó bị điều chỉnh về chủ thể được nhận bồi thường hỗ trợ là "Hộ ông Tô Văn B1".

Về phía ông Tô Nhật D1 có xuất trình 02 tờ di chúc với nội dung: cha mẹ của các ông bà có tên trên đã trao quyền cho ông D1 đối với diện tích đất trên cùng nhà cửa trên đất do cha mẹ xây dựng, nên ông D1 là chủ hộ mới và có quyền nhận các khoản đền bù; ông D1 có đơn ngăn chặn và Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã gửi toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ vào Kho bạc Nhà nước, chờ kết quả xét xử vụ án tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản của cụ B1 để trao sau.

Lý do khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên của ông B là do cho rằng trong hộ ngoài ông D1 ra còn có nhiều thành viên khác, đồng thời họ cũng không có ủy quyền nên việc ông D1 tham gia ký biên bản kê khai, kiểm

đếm đối với tài sản trên đất và nhận bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định pháp luật.

Xét về tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định hành chính bị kiện thấy rằng:

- Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 và Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 thì Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai thì việc UBND huyện B ban hành các quyết định về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Tô Văn B1 là đúng thẩm quyền và đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận số 839/QSDĐ ngày 14/9/2001 thì đây là đất cấp cho hộ ông Tô Văn B1.

Ngày 08/10/2010, Bộ G ban hành Quyết định số 2925/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Dự án đường C - L. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diện tích của hộ ông B1 bị ảnh hưởng là 8.205,1m², thuộc các thửa 115, 116, 29 Tờ bản đồ 04, Tài liệu 02/CT-UB, Bộ địa chính xã B.

Theo Trích lục khai tử số 1049/TLKT-BS ngày 22/10/2019 thì ông B1 chết ngày 06/01/2013. Ông K và bà V2 kê khai đất dựa trên giấy tờ tặng cho đất do cha mẹ lập, không được cơ quan Nhà nước xác nhận; ông D1 kê khai dựa trên văn bản khai nhận di sản thừa kế. Tuy nhiên, thực tế theo xác nhận của UBND xã B thì diện tích đất trên đang có tranh chấp; ông K và bà V2 chưa được cấp GCN đối với phần đất được cha mẹ cho, ông D1 cũng chưa được cấp GCN là chủ sử dụng đối với phần đất được cha mẹ để lại theo di chúc. Việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện B đối với diện tích đất của hộ ông B1 bị ảnh hưởng bởi dự án đều căn cứ vào GCN QSD đất số 839/QSDĐ ngày 14/9/2001 nên việc UBND huyện B ban hành các Quyết định số 1373/QĐ-UBND và 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 về thu hồi đất do bà V2, ông K sử dụng và các Quyết định 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 về bồi thường hỗ trợ đối với trường hợp ông Tô Văn K; Quyết định 9240/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 về bồi thường hỗ trợ đối với bà Tô Thị Thanh V là chưa đúng chủ thể.

Tuy nhiên, quá trình sau đó, UBND huyện B đã ban hành các quyết định điều chỉnh đối với ông K, bà V. Cụ thể:

Tại Quyết định số 6100/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 có nội dung:

Điều chỉnh từ "*Nay thu hồi đất ông* Tô Văn K *sử dụng, địa chỉ thường trú: C4/53A* ấp C, xã B, huyện B" thành: "*Nay, thu hồi đất do hộ ông* Tô Văn B1 *(ông* Tô Văn B1 *đã chết các thừa kế và các đồng thừa kế chưa khai nhận di sản thừa kế theo quy định, đang tranh chấp) sử dụng, địa chỉ thường trú: C2//41* ấp C, xã B, huyện B, TP .".

Ngày 05/7/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số 6262/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể tại Quyết định 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 về bồi thường hỗ trợ đối với trường hợp ông Tô Văn K với nội dung: điều chỉnh từ *"ông* Tô Văn K *(đang tranh chấp), địa chỉ thường trú: C4/53A* ấp C, xã B, huyện B" thành: "*do hộ ông* Tô Văn B1 *(ông* Tô Văn B1 *đã chết các thừa kế và các đồng thừa kế chưa khai nhận di sản thừa kế theo quy định, đang tranh chấp) sử dụng, địa chỉ thường trú: C2//41* ấp C, xã B, huyện B, TP .".

Đối với bà V, ngày 29/6/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định 6101/QĐ-UBND điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 có nội dung: điều chỉnh từ "*Nay thu hồi đất bà* Tô Thị Thanh V *sử dụng, địa chỉ thường trú: C4/49* ấp C, xã B, huyện B" thành: "*Nay, thu hồi đất do hộ ông* Tô Văn B1 *(ông* Tô Văn B1 *đã chết các thừa kế và các đồng thừa kế chưa khai nhận di sản thừa kế theo quy định, đang tranh chấp) sử dụng, địa chỉ thường trú: C2//41* ấp C, xã B, huyện B, TP .".

Ngày 05/7/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định 6261/QĐ-UBND, Quyết định 9240/QĐ-UBND, điều chỉnh từ "*bà* Tô Thị Thanh V *(đang tranh chấp), địa chỉ thường trú: C4/53A* ấp C, xã B, huyện B" thành: "*do hộ ông* Tô Văn B1 *(ông* Tô Văn B1 *đã chết các thừa kế và các đồng thừa kế chưa khai nhận di sản thừa kế theo quy định, đang tranh chấp) sử dụng, địa chỉ thường trú: C2//41* ấp C, xã B, huyện B, TP .".

Như vậy, quá trình thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án thì UBND huyện B đã thực hiện điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất từ ông K, và V thành hộ ông Tô Văn B1. Theo trình bày của UBND huyện B thì hiện chỉ còn các quyết định: 9849/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 đối với số tiền 923.675.88 đồng; Quyết định số 9850/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 với số tiền 579.816.000 đồng; Quyết định số 9239/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 với số tiền 5.810.579.525 đồng. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông B1 là 7.314.071.405 đồng. Do các đồng thừa kế trong hộ ông B1 đang tranh chấp nên Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B đã gửi tiền vào Ngân hàng. Gia đình ông B1 đã tự nguyện giao đất nên việc thu hồi đã xong.

Đối với ý kiến của ông B cho rằng ông B1 chết nhưng Ban Bồi thường vẫn để ông D1 khai phần diện tích đất 7.022,9m² cấp cho hộ mà ông B và các anh chị em không biết, sau đó ông K tự kê khai diện tích đất 682,8m² và bà V tự kê khai diện tích 500m² đất nên UBND huyện B ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Xét UBND huyện B đã ban hành các quyết định điều chỉnh về chủ thể và địa chỉ thành hộ ông Tô Văn B1 và phần bồi thường được xác định là di sản thừa kế của ông B1 cùng vợ là bà Phạm Thị S – các người con đều xác định chưa chia di sản. Căn cứ các tài liệu đã thu thập thì UBND huyện B đã thu hồi đúng diện tích, bồi thường đúng hiện trạng sử dụng, áp dụng đơn giá đúng theo Phương án nên quyền lợi của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, trong vụ kiện này ông B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến về đơn giá, diện tích bồi thường, hỗ trợ do UBND huyện B

áp dụng cho hộ ông Tô Văn B1. Do vậy, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của ông Tô Thanh B được làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận là kháng cáo hợp lệ. Tuy nhiên về nội dung kháng cáo, như đã phân tích trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là đúng quy định pháp luật. Các lý do kháng cáo nêu trong đơn và ý kiến trình bày của người khởi kiện nêu tại phiên tòa là không có căn cứ, đồng thời người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới so với quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên do ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Thanh B, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Áp dụng:

- Điều 32, Điều 60, Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

- Khoản 1 Điều 38, Điều 42, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003;

- Khoản 29 Điều 3, Khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 89 Luật Đất đai năm 2013;

- Điểm b Khoản 2 Điều 53, Khoản 2 Điều 55 Nghị định s 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ;

- Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện ông Tô Thanh B về việc yêu cầu hủy: Quyết định 1373/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 1374/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 21/01/2014, Quyết định 7576/QĐ-UBND ngày 10/6/2014, Quyết định 9239/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Quyết định 9240/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Quyết định 4359/QĐ-UBND ngày 29/5/2015, Quyết định 12394/QĐ-UBND ngày 30/12/2015, Quyết định

6100/QĐ-UBND ngày 29/6/2018, Quyết định 6101/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 Quyết định 6261/QĐ-UBND ngày 05/7/2018, Quyết định 6262/QĐ-UBND ngày 05/7/2018, Quyết định 9849/QĐ-UBND ngày 15/11/2019, Quyết định 9850/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 và Quyết định 10145/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tô Thanh B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (10);
- Lưu VP(3), HS(2).20b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**